

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VN
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Số: 452/QĐ-HVPNVN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp Bằng tốt nghiệp Đại học
ngành Công tác xã hội và Quản trị kinh doanh cho sinh viên Khóa 1

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Học viện Phụ nữ Việt Nam;
Căn cứ Quy chế cấp bằng tốt nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Phụ nữ Việt Nam;
Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp Bằng tốt nghiệp Đại học ngành Công tác xã hội và Quản trị kinh doanh hệ chính quy cho 152 sinh viên Khóa 1 (niên khóa 2013-2017).
(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Phòng Đào tạo và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Nơi nhận:

- P Đào tạo;
- Lưu

GIÁM ĐỐC



TS. Trần Quang Tiến

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP KHÓA 1 (NIÊN KHÓA 2013 - 2017)

(Kèm theo Quyết định số 452/QĐ-HVPNVN ngày 30/8/2017)

STT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu bằng	Ghi chú
1	Nguyễn Thùy	An	20/12/1995	K1CTXHA	Giỏi	DH2017/QD452-0001	215679	
2	Hoàng Thị Khánh	An	17/08/1994	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0002	215533	
3	Đồng Thị Thùy	An	06/02/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0003	215534	
4	Ngô Kim	Anh	03/02/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0004	215535	
5	Hoàng Thị Mai	Anh	07/12/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0005	215536	
6	Hoàng Tú	Anh	14/08/1995	K1CTXHA	Trung bình	DH2017/QD452-0006	215537	
7	Ngô Mai	Anh	16/10/1995	K1CTXHA	Trung bình	DH2017/QD452-0007	215538	
8	Phạm Quý	Anh	01/10/1994	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0152	228156	
9	Nguyễn Tùng	Anh	17/09/1995	K1CTXHA	Trung bình	DH2017/QD452-0008	215539	
10	Nguyễn Linh Huyền	Châu	23/01/1995	K1CTXHA	Trung bình	DH2017/QD452-0009	215540	
11	Đặng Thùy	Dương	13/06/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0010	215541	
12	Trần Thị	Duyên	02/05/1995	K1CTXHA	Trung bình	DH2017/QD452-0011	215542	
13	Vũ Thảo	Giang	13/04/1994	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0012	215543	
14	Nguyễn Thị	Giang	17/05/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0013	215544	
15	Lê Minh	Hằng	21/06/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0014	215545	
16	Đỗ Thị Thúy	Hằng	07/10/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0015	215546	
17	Nguyễn Thị	Hương	01/03/1993	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0016	215547	
18	Bùi Ngọc	Hà	26/06/1995	K1CTXHA	Giỏi	DH2017/QD452-0017	215548	
19	Nguyễn Thị Mai	Hạnh	28/03/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0018	215549	
20	Lương Nguyễn Mỹ	Hạnh	21/07/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0019	215550	
21	Trần Thị Thu	Hiền	14/09/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0020	215551	
22	Trương Minh	Huyền	16/10/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0150	228153	
23	Trần Ngọc	Huyền	25/03/1995	K1CTXHA	Giỏi	DH2017/QD452-0021	215552	
24	Nguyễn Thị Hương	Lan	28/09/1995	K1CTXHA	Trung bình	DH2017/QD452-0022	215553	
25	Trần Tiểu	Lan	07/01/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0023	215554	
26	Hoàng Thị	Liên	30/09/1994	K1CTXHA	Giỏi	DH2017/QD452-0024	215555	
27	Khúc Thảo	Linh	29/07/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0025	215556	
28	Đỗ Thị Thùy	Linh	08/07/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0026	215557	
29	Nguyễn Trúc	Ly	02/02/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0027	215558	
30	Lù Thái	Minh	12/09/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0028	215559	
31	Hà Thị	Mến	01/09/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0029	215560	
32	Lưu Thị Kiều	My	30/04/1995	K1CTXHA	Trung bình	DH2017/QD452-0030	215561	
33	Phan Thị	My	28/07/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0031	215562	
34	Phan Thị Quỳnh	Nhi	14/06/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0032	215563	
35	Nguyễn Thị Mai	Ninh	27/05/1994	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0033	215564	
36	Hoàng Thị Minh	Phương	04/01/1994	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0034	215565	
37	Phan Bích	Phượng	29/03/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0035	215566	
38	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	06/10/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0036	215567	
39	Phạm Thị Thu	Thảo	02/05/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0037	215568	
40	Lê Thị	Thảo	06/03/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0038	215569	
41	La Thị Thanh	Thủy	11/07/1994	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0039	215570	
42	Bùi Thị	Trang	27/09/1995	K1CTXHA	Trung bình	DH2017/QD452-0040	215571	
43	Mai Huyền	Trang	26/01/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0041	215572	
44	Đào Thị	Tuyền	07/02/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0042	215573	

VIẾT

STT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu bằng	Ghi chú
45	Hoàng Thị	Uyên	01/08/1995	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0043	215574	
46	Trương Tú	Uyên	12/04/1995	K1CTXHA	Trung bình	DH2017/QD452-0044	215575	
47	Vũ Thị	Tâm	02/05/1995	K1CTXHA	Trung bình	DH2017/QD452-0045	215576	
48	Nguyễn Thu	Hà	07/06/1992	K1CTXHA	Khá	DH2017/QD452-0046	215577	
49	Võ Thị Như	An	19/02/1995	K1CTXHB	Giỏi	DH2017/QD452-0047	215581	
50	Nguyễn Hà	Anh	07/11/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0048	215582	
51	Nguyễn Thị Hải	Anh	23/10/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0049	215583	
52	Phạm Thị Kiều	Chung	12/02/1994	K1CTXHB	Giỏi	DH2017/QD452-0050	215584	
53	Lăng Thị	Diệu	01/08/1992	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0051	215585	
54	Lường Thùy	Dung	24/02/1995	K1CTXHB	Trung bình	DH2017/QD452-0052	215586	
55	Phương Thị	Duyên	22/10/1994	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0053	215587	
56	Thân Thị	Hằng	18/04/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0054	215588	
57	Phạm Thu	Hương	26/08/1993	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0055	215589	
58	Lê Thị Diệu	Hương	15/12/1992	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0056	215590	
59	Ngô Thị	Hà	07/11/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0057	215591	
60	Bùi Thái	Hà	19/03/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0058	215592	
61	Nguyễn Thu	Hường	16/02/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0059	215593	
62	Trần Thu	Hiền	30/08/1995	K1CTXHB	Trung bình	DH2017/QD452-0060	215594	
63	Nguyễn Thị	Hòa	08/12/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0061	215595	
64	Hà Thị Khánh	Hòa	23/03/1995	K1CTXHB	Trung bình	DH2017/QD452-0062	215596	
65	Nguyễn Thị Bích	Huệ	03/02/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0063	215597	
66	Nguyễn Thị	Huệ	02/02/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0064	215598	
67	Hoàng Thị Thu	Huyền	06/12/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0065	215599	
68	Đỗ Thị Thanh	Huyền	06/02/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0066	215600	
69	Nguyễn Thị Dương	Kim	15/04/1995	K1CTXHB	Giỏi	DH2017/QD452-0067	215601	
70	Lê Thị	Lài	15/08/1993	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0068	215602	
71	Bùi Thanh	Lam	20/11/1995	K1CTXHB	Trung bình	DH2017/QD452-0069	215603	
72	Hoàng Thị	Lan	24/10/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0070	215604	
73	Thái Lê Mỹ	Linh	20/01/1994	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0071	215605	
74	Phan Diệu	Linh	01/09/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0072	215606	
75	Hoàng Thị	Linh	20/09/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0073	215607	
76	Vũ Thị Thúy	Loan	26/02/1994	K1CTXHB	Trung bình	DH2017/QD452-0074	215608	
77	Vũ Hoài	My	30/03/1994	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0075	215609	
78	Lê Thị Thu	Nga	05/11/1994	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0076	215610	
79	Nguyễn Long	Nhật	03/12/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0077	215611	
80	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/05/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0078	215612	
81	Nguyễn Hoàng	Phương	30/08/1995	K1CTXHB	Giỏi	DH2017/QD452-0079	215613	
82	Gia Thị	Thương	18/06/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0080	215614	
83	Lường Thị Phương	Thảo	27/09/1995	K1CTXHB	Trung bình	DH2017/QD452-0081	215615	
84	Võ Ngọc	Trâm	27/11/1995	K1CTXHB	Trung bình	DH2017/QD452-0082	215616	
85	Dương Thị	Trang	12/09/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0083	215617	
86	Trần Thị Huyền	Trang	08/05/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0084	215618	
87	Nông Thị	Ương	12/03/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0085	215619	
88	Nguyễn Hải	Vân	24/01/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0086	215620	
89	Phương Thị	Yến	21/03/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0087	215621	
90	Lê Thị Ngọc	Bích	06/08/1994	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0088	215622	
91	Nguyễn Thanh	Huyền	08/02/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0089	215623	
92	Nguyễn Việt	Lê	03/04/1995	K1CTXHB	Khá	DH2017/QD452-0090	215624	
93	Nguyễn Thị Minh	Thúy	28/02/1995	K1CTXHB	Giỏi	DH2017/QD452-0091	215625	
94	Vũ Đặng Thùy	Anh	02/09/1995	K1QTKDA	Trung bình	DH2017/QD452-0092	215626	

Q

STT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu bằng	Ghi chú
95	Đào Diệp	Anh	22/12/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0093	215627	
96	Nguyễn Hoàng	Dương	26/12/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0094	215628	
97	Phạm Thị Thùy	Dương	27/02/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0095	215629	
98	Nguyễn Thùy	Dung	01/12/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0096	215630	
99	Phan Thị	Hương	10/09/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0097	215631	
100	Lã Mai	Hương	05/11/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0098	215632	
101	Trần Thị Khánh	Hòa	26/11/1994	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0099	215633	
102	Bùi Ngọc	Khanh	31/07/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0100	215634	
103	Hoàng Thị Bích	Lê	19/07/1994	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0101	215635	
104	Nguyễn Thùy	Linh	23/10/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0102	215636	
105	Đỗ Thị	Liễu	30/12/1995	K1QTKDA	Trung bình	DH2017/QD452-0103	215637	
106	Chu Phương	Lựu	10/07/1995	K1QTKDA	Trung bình	DH2017/QD452-0104	215638	
107	Đặng Phú	Mạnh	20/11/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0105	215639	
108	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	02/01/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0106	215640	
109	Lò Phương	Nga	07/05/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0107	215641	
110	Nguyễn Bích	Ngọc	25/02/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0108	215642	
111	Nguyễn Bảo	Ngọc	20/06/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0109	215643	
112	Nguyễn Thị	Nhung	28/12/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0110	215644	
113	Nguyễn Thu	Phương	21/05/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0111	215645	
114	Trần Phương	Thảo	29/12/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0112	215646	
115	Hoàng Phương	Thảo	25/05/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0113	215647	
116	Hoàng Thu	Thủy	12/05/1995	K1QTKDA	Trung bình	DH2017/QD452-0151	228155	
117	Đặng Thị	Thúy	03/01/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0114	215648	
118	Vũ Thị Hoài	Thu	15/07/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0115	215649	
119	Nguyễn Minh	Thu	24/03/1995	K1QTKDA	Giỏi	DH2017/QD452-0116	215650	
120	An Hoa Thủy	Tiên	12/11/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0117	215651	
121	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	05/03/1995	K1QTKDA	Giỏi	DH2017/QD452-0118	215652	
122	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	05/08/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0119	215653	
123	Vũ Bích	Nga	16/06/1995	K1QTKDA	Khá	DH2017/QD452-0120	215654	
124	Dương Minh	Nguyệt	08/07/1994	K1QTKDA	Trung bình	DH2017/QD452-0121	215655	
125	Nguyễn Vũ Hoàng	Dương	30/01/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0122	215656	
126	Nguyễn Ngọc	Diễm	14/09/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0123	215657	
127	Đặng Thái Mỹ	Hằng	14/05/1994	K1QTKDB	Trung bình	DH2017/QD452-0124	215658	
128	Lê Thị Minh	Hằng	22/09/1995	K1QTKDB	Trung bình	DH2017/QD452-0125	215659	
129	Trần Thị	Hà	14/02/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0126	215660	
130	Hoàng Thu	Hằng	27/09/1995	K1QTKDB	Trung bình	DH2017/QD452-0127	215661	
131	Trịnh Thị Khánh	Linh	13/11/1995	K1QTKDB	Giỏi	DH2017/QD452-0128	215662	
132	Vương Thị	Lụa	20/05/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0129	215663	
133	Nguyễn Thị	Luyện	17/06/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0130	215664	
134	Đào Thị Bích	Ngọc	06/03/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0131	215665	
135	Mai Thị Yến	Ngọc	09/07/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0132	215666	
136	Bùi Bích	Ngọc	18/03/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0133	215667	
137	Phạm Thị Minh	Nguyệt	07/04/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0134	215668	
138	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/01/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0135	215669	
139	Lương Thị	Nhung	26/11/1994	K1QTKDB	Trung bình	DH2017/QD452-0136	215670	
140	Nguyễn Mỹ	Ninh	05/08/1995	K1QTKDB	Trung bình	DH2017/QD452-0137	215671	
141	Bùi Thị Bích	Phương	28/12/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0138	215672	
142	Đỗ Nguyễn Hồng	Phương	28/08/1995	K1QTKDB	Trung bình	DH2017/QD452-0139	215673	
143	Vũ Thị Như	Quỳnh	13/09/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0140	215674	
144	Vũ Thị Huyền	Sang	03/03/1995	K1QTKDB	Trung bình	DH2017/QD452-0141	215675	

1

STT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu bằng	Ghi chú
145	Lê Thị	Thùy	08/12/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0142	215676	
146	Nguyễn Nhật Như	Thùy	02/04/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0143	215677	
147	Hoàng Huyền	Trang	27/05/1994	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0144	215678	
148	Trần Minh	Trang	13/01/1992	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0145	228146	
149	Bùi Thị Kim	Tuyền	03/09/1995	K1QTKDB	Trung bình	DH2017/QD452-0146	228147	
150	Phạm Thị	Xuân	20/12/1994	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0147	228148	
151	Vũ Như	Ý	18/06/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0148	228149	
152	Trương Thị	Yến	28/06/1995	K1QTKDB	Khá	DH2017/QD452-0149	228150	

danh sách gồm có 152 sinh viên



HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC KHÓA 1

STT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ký nhận
1	1357610001	Nguyễn Thùy	An	20/12/1995	CTXH	Giỏi	215679	DH2017/QD452-0001	An
2	1357610002	Hoàng Thị Khánh	An	17/08/1994	CTXH	Khá	215533	DH2017/QD452-0002	An
3	1357610003	Đồng Thị Thùy	An	06/02/1995	CTXH	Khá	215534	DH2017/QD452-0003	An
4	1357610004	Ngô Kim	Anh	03/02/1995	CTXH	Khá	215535	DH2017/QD452-0004	An
5	1357610006	Hoàng Thị Mai	Anh	07/12/1995	CTXH	Khá	215536	DH2017/QD452-0005	An
6	1357610007	Hoàng Tú	Anh	14/08/1995	CTXH	Trung bình	215537	DH2017/QD452-0006	An
7	1357610008	Ngô Mai	Anh	16/10/1995	CTXH	Trung bình	215538	DH2017/QD452-0007	An
8	1357610009	Phạm Quý	Anh	01/10/1994	CTXH	Khá	228156	DH2017/QD452-0152	An
9	1357610010	Nguyễn Tùng	Anh	17/09/1995	CTXH	Trung bình	215539	DH2017/QD452-0008	An
10	1357610011	Nguyễn Linh Huyền	Châu	23/01/1995	CTXH	Trung bình	215540	DH2017/QD452-0009	An
11	1357610012	Đặng Thùy	Dương	13/06/1995	CTXH	Khá	215541	DH2017/QD452-0010	An
12	1357610013	Trần Thị	Duyên	02/05/1995	CTXH	Trung bình	215542	DH2017/QD452-0011	An
13	1357610014	Vũ Thảo	Giang	13/04/1994	CTXH	Khá	215543	DH2017/QD452-0012	An
14	1357610016	Nguyễn Thị	Giang	17/05/1995	CTXH	Khá	215544	DH2017/QD452-0013	An
15	1357610018	Lê Minh	Hằng	21/06/1995	CTXH	Khá	215545	DH2017/QD452-0014	An
16	1357610019	Đỗ Thị Thúy	Hằng	07/10/1995	CTXH	Khá	215546	DH2017/QD452-0015	An
17	1357610021	Nguyễn Thị	Hương	01/03/1993	CTXH	Khá	215547	DH2017/QD452-0016	An
18	1357610023	Bùi Ngọc	Hà	26/06/1995	CTXH	Giỏi	215548	DH2017/QD452-0017	An
19	1357610024	Nguyễn Thị Mai	Hạnh	28/03/1995	CTXH	Khá	215549	DH2017/QD452-0018	An
20	1357610025	Lương Nguyễn Mỹ	Hạnh	21/07/1995	CTXH	Khá	215550	DH2017/QD452-0019	An
21	1357610026	Trần Thị Thu	Hiền	14/09/1995	CTXH	Khá	215551	DH2017/QD452-0020	An
22	1357610027	Trương Minh	Huyền	16/10/1995	CTXH	Khá	228153	DH2017/QD452-0150	An
23	1357610028	Trần Ngọc	Huyền	25/03/1995	CTXH	Giỏi	215552	DH2017/QD452-0021	An
24	1357610031	Nguyễn Thị Hương	Lan	28/09/1995	CTXH	Trung bình	215553	DH2017/QD452-0022	An
25	1357610032	Trần Tiểu	Lan	07/01/1995	CTXH	Khá	215554	DH2017/QD452-0023	An

STT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ký nhận
26	1357610033	Hoàng Thị	Liên	30/09/1994	CTXH	Giỏi	215555	DH2017/QD452-0024	Liên
27	1357610034	Khúc Thảo	Linh	29/07/1995	CTXH	Khá	215556	DH2017/QD452-0025	Thảo
28	1357610036	Đỗ Thị Thùy	Linh	08/07/1995	CTXH	Khá	215557	DH2017/QD452-0026	Linh
29	1357610037	Nguyễn Trúc	Ly	02/02/1995	CTXH	Khá	215558	DH2017/QD452-0027	Ly
30	1357610039	Lù Thái	Minh	12/09/1995	CTXH	Khá	215559	DH2017/QD452-0028	Minh
31	1357610040	Hà Thị	Mến	01/09/1995	CTXH	Khá	215560	DH2017/QD452-0029	Hà Thị
32	1357610041	Lưu Thị Kiều	My	30/04/1995	CTXH	Trung bình	215561	DH2017/QD452-0030	My
33	1357610042	Phan Thị	My	28/07/1995	CTXH	Khá	215562	DH2017/QD452-0031	My
34	1357610045	Phan Thị Quỳnh	Nhi	14/06/1995	CTXH	Khá	215563	DH2017/QD452-0032	Nhi
35	1357610046	Nguyễn Thị Mai	Ninh	27/05/1994	CTXH	Khá	215564	DH2017/QD452-0033	Ninh
36	1357610048	Hoàng Thị Minh	Phương	04/01/1994	CTXH	Khá	215565	DH2017/QD452-0034	Minh
37	1357610049	Phan Bích	Phượng	29/03/1995	CTXH	Khá	215566	DH2017/QD452-0035	Phượng
38	1357610050	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	06/10/1995	CTXH	Khá	215567	DH2017/QD452-0036	Quyên
39	1357610051	Phạm Thị Thu	Thảo	02/05/1995	CTXH	Khá	215568	DH2017/QD452-0037	Thảo
40	1357610052	Lê Thị	Thảo	06/03/1995	CTXH	Khá	215569	DH2017/QD452-0038	Thảo
41	1357610054	La Thị Thanh	Thùy	11/07/1994	CTXH	Khá	215570	DH2017/QD452-0039	
42	1357610056	Bùi Thị	Trang	27/09/1995	CTXH	Trung bình	215571	DH2017/QD452-0040	Trang
43	1357610057	Mai Huyền	Trang	26/01/1995	CTXH	Khá	215572	DH2017/QD452-0041	
44	1357610058	Đào Thị	Tuyển	07/02/1995	CTXH	Khá	215573	DH2017/QD452-0042	Tuyển
45	1357610059	Hoàng Thị	Uyên	01/08/1995	CTXH	Khá	215574	DH2017/QD452-0043	Uyên
46	1357610060	Trương Tú	Uyên	12/04/1995	CTXH	Trung bình	215575	DH2017/QD452-0044	Tú
47	1357610062	Vũ Thị	Tâm	02/05/1995	CTXH	Trung bình	215576	DH2017/QD452-0045	Tâm
48	1357610064	Nguyễn Thu	Hà	07/06/1992	CTXH	Khá	215577	DH2017/QD452-0046	
49	1357610068	Võ Thị Như	An	19/02/1995	CTXH	Giỏi	215581	DH2017/QD452-0047	An
50	1357610073	Nguyễn Hà	Anh	07/11/1995	CTXH	Khá	215582	DH2017/QD452-0048	Anh
51	1357610074	Nguyễn Thị Hải	Anh	23/10/1995	CTXH	Khá	215583	DH2017/QD452-0049	Anh
52	1357610077	Phạm Thị Kiều	Chung	12/02/1994	CTXH	Giỏi	215584	DH2017/QD452-0050	Chung
53	1357610079	Lăng Thị	Diệu	01/08/1992	CTXH	Khá	215585	DH2017/QD452-0051	Diệu

STT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ký nhận
54	1357610080	Lường Thùy	Dung	24/02/1995	CTXH	Trung bình	215586	DH2017/QD452-0052	Dung
55	1357610082	Phương Thị	Duyên	22/10/1994	CTXH	Khá	215587	DH2017/QD452-0053	Duyên
56	1357610083	Thân Thị	Hằng	18/04/1995	CTXH	Khá	215588	DH2017/QD452-0054	Hằng
57	1357610086	Phạm Thu	Hương	26/08/1993	CTXH	Khá	215589	DH2017/QD452-0055	Hương
58	1357610087	Lê Thị Diệu	Hương	15/12/1992	CTXH	Khá	215590	DH2017/QD452-0056	
59	1357610088	Ngô Thị	Hà	07/11/1995	CTXH	Khá	215591	DH2017/QD452-0057	Hà
60	1357610090	Bùi Thái	Hà	19/03/1995	CTXH	Khá	215592	DH2017/QD452-0058	Hà
61	1357610091	Nguyễn Thu	Hường	16/02/1995	CTXH	Khá	215593	DH2017/QD452-0059	Hường
62	1357610092	Trần Thu	Hiền	30/08/1995	CTXH	Trung bình	215594	DH2017/QD452-0060	Hiền
63	1357610094	Nguyễn Thị	Hòa	08/12/1995	CTXH	Khá	215595	DH2017/QD452-0061	
64	1357610095	Hà Thị Khánh	Hòa	23/03/1995	CTXH	Trung bình	215596	DH2017/QD452-0062	Hòa
65	1357610096	Nguyễn Thị Bích	Huệ	03/02/1995	CTXH	Khá	215597	DH2017/QD452-0063	
66	1357610097	Nguyễn Thị	Huệ	02/02/1995	CTXH	Khá	215598	DH2017/QD452-0064	Huệ
67	1357610098	Hoàng Thị Thu	Huyền	06/12/1995	CTXH	Khá	215599	DH2017/QD452-0065	
68	1357610099	Đỗ Thị Thanh	Huyền	06/02/1995	CTXH	Khá	215600	DH2017/QD452-0066	
69	1357610100	Nguyễn Thị Dương	Kim	15/04/1995	CTXH	Giỏi	215601	DH2017/QD452-0067	Kim
70	1357610102	Lê Thị	Lài	15/08/1993	CTXH	Khá	215602	DH2017/QD452-0068	
71	1357610103	Bùi Thanh	Lam	20/11/1995	CTXH	Trung bình	215603	DH2017/QD452-0069	Lam
72	1357610104	Hoàng Thị	Lan	24/10/1995	CTXH	Khá	215604	DH2017/QD452-0070	Lan
73	1357610106	Thái Lê Mỹ	Linh	20/01/1994	CTXH	Khá	215605	DH2017/QD452-0071	Linh
74	1357610107	Phan Diệu	Linh	01/09/1995	CTXH	Khá	215606	DH2017/QD452-0072	Linh
75	1357610108	Hoàng Thị	Linh	20/09/1995	CTXH	Khá	215607	DH2017/QD452-0073	Linh
76	1357610110	Vũ Thị Thúy	Loan	26/02/1994	CTXH	Trung bình	215608	DH2017/QD452-0074	Loan
77	1357610112	Vũ Hoài	My	30/03/1994	CTXH	Khá	215609	DH2017/QD452-0075	My
78	1357610114	Lê Thị Thu	Nga	05/11/1994	CTXH	Khá	215610	DH2017/QD452-0076	Nga
79	1357610115	Nguyễn Long	Nhật	03/12/1995	CTXH	Khá	215611	DH2017/QD452-0077	Nhật
80	1357610116	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/05/1995	CTXH	Khá	215612	DH2017/QD452-0078	Nhung
81	1357610118	Nguyễn Hoàng	Phương	30/08/1995	CTXH	Giỏi	215613	DH2017/QD452-0079	Phương

1357610125 Dương Thị Trang 12/9/1995 Khá
 1357610129 Nguyễn Hải Vân 24/01/1995 Khá
 1357610134 Nguyễn Việt Lê 03/04/95 Khá
 1357610120 Gia Phú Phương 18/06/95 Khá

Trang.
 Nguyễn Thị Trang

STT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ký nhận
82	1357610120	Gia Thị	Thương	18/06/1995	CTXH	Khá	215614	DH2017/QD452-0080	
83	1357610121	Lường Thị Phương	Thảo	27/09/1995	CTXH	Trung bình	215615	DH2017/QD452-0081	Thảo
84	1357610123	Võ Ngọc	Trâm	27/11/1995	CTXH	Trung bình	215616	DH2017/QD452-0082	Trâm
85	1357610125	Dương Thị	Trang	12/09/1995	CTXH	Khá	215617	DH2017/QD452-0083	
86	1357610126	Trần Thị Huyền	Trang	08/05/1995	CTXH	Khá	215618	DH2017/QD452-0084	Trang
87	1357610127	Nông Thị	Ương	12/03/1995	CTXH	Khá	215619	DH2017/QD452-0085	Ương
88	1357610129	Nguyễn Hải	Vân	24/01/1995	CTXH	Khá	215620	DH2017/QD452-0086	
89	1357610130	Phương Thị	Yến	21/03/1995	CTXH	Khá	215621	DH2017/QD452-0087	Yến
90	1357610132	Lê Thị Ngọc	Bích	06/08/1994	CTXH	Khá	215622	DH2017/QD452-0088	Bích
91	1357610133	Nguyễn Thanh	Huyền	08/02/1995	CTXH	Khá	215623	DH2017/QD452-0089	
92	1357610134	Nguyễn Việt	Lê	03/04/1995	CTXH	Khá	215624	DH2017/QD452-0090	
93	1357610135	Nguyễn Thị Minh	Thúy	28/02/1995	CTXH	Giỏi	215625	DH2017/QD452-0091	Thúy
✓ 94	1353410002	Vũ Đặng Thùy	Anh	02/09/1995	QTKD	Trung bình	215626	DH2017/QD452-0092	Anh
✓ 95	1353410004	Đào Diệp	Anh	22/12/1995	QTKD	Khá	215627	DH2017/QD452-0093	Đào Diệp
96	1353410006	Nguyễn Hoàng	Dương	26/12/1995	QTKD	Khá	215628	DH2017/QD452-0094	Nguyễn Hoàng
97	1353410007	Phạm Thị Thùy	Dương	27/02/1995	QTKD	Khá	215629	DH2017/QD452-0095	
✓ 98	1353410008	Nguyễn Thùy	Dung	01/12/1995	QTKD	Khá	215630	DH2017/QD452-0096	Nguyễn Thùy
✓ 99	1353410012	Phan Thị	Hương	10/09/1995	QTKD	Khá	215631	DH2017/QD452-0097	Phan Thị
✓ 100	1353410013	Lã Mai	Hương	05/11/1995	QTKD	Khá	215632	DH2017/QD452-0098	Lã Mai
101	1353410016	Trần Thị Khánh	Hòa	26/11/1994	QTKD	Khá	215633	DH2017/QD452-0099	Hòa
102	1353410018	Bùi Ngọc	Khanh	31/07/1995	QTKD	Khá	215634	DH2017/QD452-0100	Bùi Ngọc
103	1353410019	Hoàng Thị Bích	Lê	19/07/1994	QTKD	Khá	215635	DH2017/QD452-0101	Lê
104	1353410027	Nguyễn Thùy	Linh	23/10/1995	QTKD	Khá	215636	DH2017/QD452-0102	Nguyễn Thùy Linh
105	1353410028	Đỗ Thị	Liễu	30/12/1995	QTKD	Trung bình	215637	DH2017/QD452-0103	Liễu
106	1353410029	Chu Phương	Lựu	10/07/1995	QTKD	Trung bình	215638	DH2017/QD452-0104	Chu Phương
107	1353410030	Đặng Phú	Mạnh	20/11/1995	QTKD	Khá	215639	DH2017/QD452-0105	Đặng Phú
108	1353410031	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	02/01/1995	QTKD	Khá	215640	DH2017/QD452-0106	Nguyễn Thị Tuyết
109	1353410033	Lò Phương	Nga	07/05/1995	QTKD	Khá	215641	DH2017/QD452-0107	Lò Phương

STT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ký nhận
✓ 110	1353410034	Nguyễn Bích	Ngọc	25/02/1995	QTKD	Khá	215642	DH2017/QD452-0108	Ngọc
111	1353410035	Nguyễn Bảo	Ngọc	20/06/1995	QTKD	Khá	215643	DH2017/QD452-0109	Ngọc
112	1353410037	Nguyễn Thị	Nhung	28/12/1995	QTKD	Khá	215644	DH2017/QD452-0110	Nhung
113	1353410038	Nguyễn Thu	Phương	21/05/1995	QTKD	Khá	215645	DH2017/QD452-0111	Phg
114	1353410041	Trần Phương	Thảo	29/12/1995	QTKD	Khá	215646	DH2017/QD452-0112	Tr
115	1353410042	Hoàng Phương	Thảo	25/05/1995	QTKD	Khá	215647	DH2017/QD452-0113	Thảo
116	1353410043	Hoàng Thu	Thủy	12/05/1995	QTKD	Trung bình	228155	DH2017/QD452-0151	Th
117	1353410044	Đặng Thị	Thúy	03/01/1995	QTKD	Khá	215648	DH2017/QD452-0114	Đ
118	1353410045	Vũ Thị Hoài	Thu	15/07/1995	QTKD	Khá	215649	DH2017/QD452-0115	Thu
119	1353410047	Nguyễn Minh	Thu	24/03/1995	QTKD	Giỏi	215650	DH2017/QD452-0116	R
120	1353410049	An Hoa Thủy	Tiên	12/11/1995	QTKD	Khá	215651	DH2017/QD452-0117	Tiên
121	1353410050	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	05/03/1995	QTKD	Giỏi	215652	DH2017/QD452-0118	Tú
122	1353410051	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	05/08/1995	QTKD	Khá	215653	DH2017/QD452-0119	
123	1353410053	Vũ Bích	Nga	16/06/1995	QTKD	Khá	215654	DH2017/QD452-0120	
124	1353410054	Dương Minh	Nguyệt	08/07/1994	QTKD	Trung bình	215655	DH2017/QD452-0121	Dg Nguyệt
125	1353410060	Nguyễn Vũ Hoàng	Dương	30/01/1995	QTKD	Khá	215656	DH2017/QD452-0122	D
126	1353410061	Nguyễn Ngọc	Diễm	14/09/1995	QTKD	Khá	215657	DH2017/QD452-0123	D
127	1353410063	Đặng Thái Mỹ	Hằng	14/05/1994	QTKD	Trung bình	215658	DH2017/QD452-0124	Đ
128	1353410064	Lê Thị Minh	Hằng	22/09/1995	QTKD	Trung bình	215659	DH2017/QD452-0125	L
129	1353410067	Trần Thị	Hà	14/02/1995	QTKD	Khá	215660	DH2017/QD452-0126	Hà
130	1353410070	Hoàng Thu	Hằng	27/09/1995	QTKD	Trung bình	215661	DH2017/QD452-0127	Hằng
131	1353410078	Trịnh Thị Khánh	Linh	13/11/1995	QTKD	Giỏi	215662	DH2017/QD452-0128	K
132	1353410079	Vương Thị	Lụa	20/05/1995	QTKD	Khá	215663	DH2017/QD452-0129	
133	1353410080	Nguyễn Thị	Luyện	17/06/1995	QTKD	Khá	215664	DH2017/QD452-0130	N
134	1353410083	Đào Thị Bích	Ngọc	06/03/1995	QTKD	Khá	215665	DH2017/QD452-0131	Đ
135	1353410084	Mai Thị Yến	Ngọc	09/07/1995	QTKD	Khá	215666	DH2017/QD452-0132	Mai
136	1353410085	Bùi Bích	Ngọc	18/03/1995	QTKD	Khá	215667	DH2017/QD452-0133	B
137	1353410086	Phạm Thị Minh	Nguyệt	07/04/1995	QTKD	Khá	215668	DH2017/QD452-0134	P

STT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ký nhận
138	1353410087	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/01/1995	QTKD	Khá	215669	DH2017/QD452-0135	
139	1353410088	Lương Thị	Nhung	26/11/1994	QTKD	Trung bình	215670	DH2017/QD452-0136	
140	1353410089	Nguyễn Mỹ	Ninh	05/08/1995	QTKD	Trung bình	215671	DH2017/QD452-0137	
141	1353410090	Bùi Thị Bích	Phương	28/12/1995	QTKD	Khá	215672	DH2017/QD452-0138	Phương
142	1353410091	Đỗ Nguyễn Hồng	Phương	28/08/1995	QTKD	Trung bình	215673	DH2017/QD452-0139	Pho
143	1353410094	Vũ Thị Như	Quỳnh	13/09/1995	QTKD	Khá	215674	DH2017/QD452-0140	
144	1353410095	Vũ Thị Huyền	Sang	03/03/1995	QTKD	Trung bình	215675	DH2017/QD452-0141	Sang
145	1353410098	Lê Thị	Thùy	08/12/1995	QTKD	Khá	215676	DH2017/QD452-0142	Thùy
146	1353410099	Nguyễn Nhật Như	Thùy	02/04/1995	QTKD	Khá	215677	DH2017/QD452-0143	Thùy
147	1353410100	Hoàng Huyền	Trang	27/05/1994	QTKD	Khá	215678	DH2017/QD452-0144	Trang
148	1353410102	Trần Minh	Trang	13/01/1992	QTKD	Khá	228146	DH2017/QD452-0145	
149	1353410103	Bùi Thị Kim	Tuyển	03/09/1995	QTKD	Trung bình	228147	DH2017/QD452-0146	Tuyển
150	1353410105	Phạm Thị	Xuân	20/12/1994	QTKD	Khá	228148	DH2017/QD452-0147	Xuân
151	1353410106	Vũ Như	Ý	18/06/1995	QTKD	Khá	228149	DH2017/QD452-0148	Ý
152	1353410107	Trương Thị	Yến	28/06/1995	QTKD	Khá	228150	DH2017/QD452-0149	Yến

danh sách gồm có 152 sinh viên

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp Bằng tốt nghiệp Đại học ngành
Công tác xã hội và Quản trị kinh doanh hệ chính quy
GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Học viện Phụ nữ Việt Nam;
Căn cứ Quy chế cấp bằng tốt nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Phụ nữ Việt Nam;
Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp Bằng tốt nghiệp Đại học cho 02 sinh viên Khóa 1 (niên khóa 2013-2017).

1. Hứa Thị Hằng – sinh ngày 03/10/1995 – ngành Quản trị kinh doanh
2. Nguyễn Thị Quỳnh Trang – sinh ngày 26/02/1995 – ngành Công tác xã hội

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Phòng Đào tạo và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Nơi nhận:

- P Đào tạo;
- Lưu



TS. Trần Quang Tiến